

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Mục 1. Phạm vi cung cấp**

#### **1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu**

- Thông tin chung: căn cứ thông tin công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng

#### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

- Yêu cầu về mặt kỹ thuật được tổng hợp tại Bảng V.1.2A kèm theo E-HSMT
- Nhà thầu kèm theo dữ liệu điện tử (định dạng Microsoft Excel) bảng tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan theo Bảng V.1.2B kèm theo E-HSMT

Yêu cầu về kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật cao hơn. Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “cao hơn” so với yêu cầu của E-HSMT và phù hợp với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng.

#### **1.3. Các yêu cầu khác**

Tiến độ cung cấp được thực hiện theo nguyên tắc: Định kỳ theo kế hoạch hàng tháng, hàng hóa được cung cấp trong thời hạn tối đa là 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu; Trong trường hợp khẩn cấp, hàng hóa được cung cấp sớm nhất có thể, nhưng không quá 24 giờ, kể từ khi nhận được thông báo trường hợp khẩn cấp.

### **Mục 2. Bản vẽ**

Không áp dụng

### **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: để đảm bảo phù hợp với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng, chủ đầu tư có thể yêu cầu thử nghiệm để đánh giá khả năng tương thích với thiết bị chủ đầu tư đang sử dụng.

**Bảng V.1.2B. BẢNG TÓM TẮT THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

Mã phần	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại trang thiết bị y tế (A, B, C, D)	Quy cách đóng gói	Đơn giá niêm yết (VNĐ)

**Bảng V.1.2A. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
<b>Phần 1: Sinh phẩm chẩn đoán invitro</b>					
1	Test phát hiện kháng thể virus HIV	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</li><li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: <math>\geq 99,75\%</math>.</li><li>- Thời gian đọc kết quả: <math>\leq 15</math> phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm <math>\geq 60</math> phút.</li><li>- Không cần sử dụng thêm dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương</li><li>- Thành phần chính: Anti- HIV-1 Antibody, Anti-HIV-2 Antibody, HIV-1 Group O (pGO9-CKS/XL-1), Antigen hiv-2 (PjC100), HIV-1 (pOM10/PV361) Antigen, HIV-1 (pTB319/XL-1) Antigen, HIV-2 (peptide) Antigen, HIV-1/2 Peptide- BSA</li><li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li><li>- Sản xuất tại nước thuộc G7.</li></ul>	Test	5.000	42.525

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Test phát hiện kháng thể virus HIV	<p>Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm</li> <li>- Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu <math>\geq 99,8\%</math>.</li> </ul> <p>Thành phần vạch chứng: Huyết thanh dê có kháng thể HIV (<math>0,75 \pm 0,15 \mu\text{g}</math>).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: <math>\leq 10 \text{ uL}</math>; máu toàn phần: <math>\leq 20 \text{ uL}</math></li> </ul>	Test	100	32.550
3	Test phát hiện kháng thể virus HIV	<p>Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần</li> <li>- Độ nhạy <math>\geq 99,59\%</math>, Độ đặc hiệu <math>\geq 99,87\%</math></li> <li>- Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp.</li> <li>- Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương</li> </ul>	Test	150	19.000
4	Test nhanh chẩn đoán cúm A, B	<p>Phát hiện phân biệt và định tính các kháng nguyên vi rút cúm loại A và loại B trực tiếp từ que phết mũi / họng / mũi-hầu hoặc các mẫu hút từ mũi/mũi-hầu. Độ nhạy <math>\geq 91,8\%</math>, Độ đặc hiệu <math>\geq 99\%</math> so với phương pháp nuôi cấy vi rút và RT-PCR. Dạng que. Kèm que kiểm chuẩn cúm A, cúm B và âm tính.</p> <p>Sản phẩm không có phản ứng chéo với ít nhất 32 chủng virus và vi khuẩn gồm Adenovirus type 3, type 6, type 21, CMV, Mumps Virus Ag, Mycoplasma pneumonia, Bordetella pertussis, Klebsiella pneumoniae, Legionella pneumophila,</p> <p>Thành phần vạch chứng: kháng thể dê kháng immunoglobulin chuột (<math>0,7 \pm 0,14 \mu\text{g}</math>).</p> <p>Giới hạn phát hiện trên chủng cúm B chuẩn ATCC ở nồng độ pha loãng 2560 lần</p> <p>Thanh thử ổn định ít nhất 24 giờ sau khi mở túi nhôm.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương</p>	Test	400	99.792

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
5	Test nhanh chẩn đoán viêm gan C	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hiện định tính các kháng thể đặc hiệu đối với HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người.</li> <li>- Độ nhạy 100%, Độ đặc hiệu <math>\geq 97,67\%</math></li> <li>- Không bị ảnh hưởng bởi: máu toàn phần của phụ nữ mang thai</li> <li>- Thành phần chính: Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng IgG; Đệm liên hợp: Kháng nguyên HCV NS3/NS4/NS5/lõi tái tổ hợp - keo vàng</li> <li>- Có thể phát hiện kháng thể kháng HCV genotype5</li> <li>- Đạt ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul>	Test	4.500	22.600
6	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ nhạy: <math>\geq 98\%</math>; Độ đặc hiệu: <math>\geq 99\%</math>.</li> <li>- Xét nghiệm có thể phát hiện nồng độ <math>\leq 0.1</math> IU/ml.</li> <li>- Thời gian đọc kết quả: <math>\leq 15</math> phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm <math>\geq 30</math> phút.</li> <li>- Không cần sử dụng thêm dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương.</li> <li>-Thành phần tại vạch test: Kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HbsAg Biotinyl và các hạt màu đen được phủ kháng thể đơn dòng ở chuột kháng HBsAg.Hàm lượng : Anti-HBs antibody A1 ( 233ng/Test); Anti-HBs antibody B1 ( 17 ng/Test); Anti-HBs antibody B2 ( 6 ng/Test); Anti-HBs antibody B3 ( 6 ng/Test); Kháng thể trên thanh kiểm soát (17 ng/Test)</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Sản xuất tại nước thuộc G7</li> </ul>	Test	5.500	35.280
7	Que thử đường huyết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ: Cảm biến sinh học/Điện hóa, đường oxidase (GOD).</li> <li>- Thời gian đo: <math>\leq 10</math> giây.</li> <li>- Lượng mẫu tối thiểu: 0,5 <math>\mu</math>L.</li> <li>- Loại mẫu xét nghiệm: Máu tươi toàn phần từ mao mạch.</li> <li>- Phạm vi HCT: 25 - 60%.</li> <li>- Khoảng đo đường huyết: 1,1 - 33,3mmol/L (20 - 600mg/dL)</li> </ul>	Test	200	5.000
8	Test nhanh phát hiện ma túy 4 chân	<p>Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 4 chất gây nghiện MOP/MDMA/MET/THC trong nước tiểu</p> <p>Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là 300 ng/mL; MDMA là 500 ng/mL; MET là 1000 ng/mL; THC là 50 ng/mL</p> <p>Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương, Sản xuất: nước thuộc nhóm G7</p>	Test	500	52.550

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
9	Test nhanh phát hiện ma túy 5 chân	<p>Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu</p> <p>Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là <math>\leq 300</math> ng/mL; Codein là <math>\leq 300</math> ng/mL; Heroin (6-MAM) là <math>\leq 10</math> ng/mL; AMP là <math>\leq 1000</math>ng/ml ; THC là <math>\leq 50</math> ng/ml</p> <p>-Độ lặp lại <math>\geq 75\%</math> chính xác ở mức <math>\pm 25\%</math> cut-off ;100% chính xác ở mức âm tính và <math>\pm 50\%</math> cut-off</p> <p>Độ chính xác GC/MS: MOP <math>\geq 95\%</math>; AMP <math>\geq 98\%</math>; THC <math>\geq 98\%</math>; Heroin <math>\geq 98\%</math>; Codeine <math>\geq 95\%</math></p> <p>-Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức nồng độ cao, thấp, bình thường (1.005-1.045) không có ảnh hưởng đến kết quả của test.</p> <p>- Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test.</p> <p>- Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid; Tetracycline.</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương</p> <p>- sản xuất: nước thuộc nhóm G7</p>	Test	1.500	62.000
10	Que thử nước tiểu 11 thông số	<p>Ascorbic Acid (ASC), Glucose (GLU), Bilirubin (BIL), Ketone (KET), Specific Gravity (SG), Blood (BLO), pH, Protein (PRO), Urobilinogen (URO), Nitrite (NIT), Leukocytes (LEU).</p> <p>- Dải đo của các chỉ số:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ascorbic Acid (ASC): 5-10 mg/dL (0.28-0.56 mmol/L).</li> <li>• Glucose (GLU): 50-100 mg/dL (2.5-5mmol/L)</li> <li>• Bilirubin (BIL): 0.4-1.0 mg/dL (6.8-17 <math>\mu</math>mol/L)</li> <li>• Ketone (KET): 2.5-5 mg/dL (0.25-0.5 mmol/L).</li> <li>• Specific Gravity (SG): 1.000 đến 1.030</li> <li>• Blood (BLO): 0.018-0.060 mg/dL hoặc 5-10 Ery/<math>\mu</math>L trong mẫu nước tiểu có nồng độ axit ascorbic</li> <li>• pH: 5 - 9</li> <li>• Protein (PRO): 7.5-15 mg/dL (0.075-0.15 g/L).</li> <li>• Urobilinogen (URO): 0.2-1.0 mg/dL (3.5-17 <math>\mu</math>mol/L)</li> <li>• Nitrite (NIT): 0.05-0.1 mg/dL</li> <li>• Leukocytes (LEU): 9-15 tế bào bạch cầu Leu/<math>\mu</math>L</li> </ul> <p>Tương thích với máy phân tích nước tiểu bán tự động DocUReader 2 Pro của đơn vị.</p>	Test	11.000	6.150

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
<b>Phần 2: Hoá chất định nhóm máu và và Hoá chất xét nghiệm Lao</b>					
1	Anti A	Lọ ≥ 10ml. Thuốc thử được sử dụng để xác định kháng nguyên nhóm máu A. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	12	94.000
2	Anti AB	Lọ ≥ 10ml. Thuốc thử của xét nghiệm chứa kháng thể đơn dòng của các dòng tế bào Anti-AB. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	12	94.000
3	Anti B	Lọ ≥ 10ml. Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai Anti B - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	12	94.000
4	Anti D	Lọ ≥ 10ml. Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai Anti D. Thuốc thử là hỗn hợp gồm cả kháng thể đơn dòng IgM và IgG kháng nguyên D - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100% - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lọ	7	160.000
5	Anti Huma Globulin	Lọ ≥ 10ml. Thuốc thử xét nghiệm xác định Anti human Globulin (AHG) dùng phát hiện sự hiện diện của kháng thể IgG trong nghiệm pháp Coombs.	Lọ	3	280.000
6	Hoá chất nhuộm Lao	Bộ nhuộm Ziehl Neelsen dùng để thực hiện xét nghiệm nhuộm soi. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbol Fuchsin, Alcohol acid (Hydrochloric acid in ethanol) và Methylen Blue. Bộ 3 chai x 250ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	6	1.250.000
<b>Phần 3: Hóa chất dùng cho xét nghiệm máy sinh hóa tự động CS-300B Dirui</b>					
1	Dung dịch rửa máy	Thành phần: Sequestering agent content (alkalimetric): 8.5-10%. Density (d 20°C/4°C) 1.05 - 1.09. Free alkali (as NaOH) 1.5 - 2.5 % Phosphate (PO <sub>4</sub> ) ≤ 0.002 % Can ≥ 2,5 lít. Tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa tự động.	Can	70	2.625.000
<b>Phần 4: Chỉ khâu phẫu thuật</b>					
1	Chỉ lanh 20g	100% bằng sợi cotton, sợi chỉ rất bền màu đặc biệt rất dai và bề mặt sáng bóng. Chỉ có màu vàng nhạt trọng lượng 20 gram/ cuộn. Có các size và chiều dài như sau: Size 2 0: 160m; Size 30: 190m; Size 40: 220m; Size 50:260m; Size 60: 300m; Size 70: 320m; Size 80: 360m; Size 100: 430m.	Cuộn	20	168.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
2	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu số 2/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp Polyglactine 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 dài 90cm, kim tròn đầu cắt V-34 có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 36mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Sợi	240	102.500
3	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu số 3/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, 1 kim tam giác ngược FS bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molybden và Ferric), giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 3/8 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương: 50% sau 5 ngày, 0% sau 10 - 14 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn 42 ngày. Đạt tiêu chuẩn: FDA; ISO 13485 hoặc tương đương.	Sợi	240	88.500
4	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu số 1/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, số 1 dài 90cm, kim tròn đầu tròn, có phủ silicone, dài 40mm 1/2 vòng tròn. Thời gian tiêu hoàn toàn: 54 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO; FDA hoặc tương đương	Sợi	1.500	120.000
5	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu số 2/0	Chỉ tan tổng hợp Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, số 2/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. thời gian tiêu hoàn toàn: 54 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương	Sợi	1.500	95.000
6	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, số 3/0 dài 75cm, kim tròn đầu tròn, có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. thời gian tiêu hoàn toàn: 54 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương	Sợi	400	90.000
7	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu số 4/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, số 4/0 dài 70cm, kim tròn, Thời gian tiêu hoàn toàn: 54 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương	Sợi	300	139.230

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
8	Chỉ phẫu thuật tổng hợp tự tiêu số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, số 5/0 dài 70cm, kim tròn. Thời gian tiêu hoàn toàn: 54 - 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương	Sợi	240	142.000
9	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi các số	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polyamide 6, số 2/0; 3/0; 4/0, dài 75cm. Tiệt trùng bằng EO hoặc Gamma.	Sợi	120	25.160
10	Chỉ thép liền kim các số	Chỉ thép liền kim các số, chỉ dài 45cm, được làm từ thép không gỉ, chỉ không tiêu, vô trùng và dùng cho phẫu thuật	Sợi	48	98.000
<b>Phần 5: Vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế khác</b>					
1	Đinh Kirschner	- Đường kính từ 1.0 mm đến 3.0mm - Hai đầu nhọn. Chất liệu thép không gỉ. Xuất xứ các nước OECD - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương	Cái	40	100.000
2	Vít xương cứng	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25.mm, mũi tô vít 2.5mm; - Có 26 cỡ dài từ 10->60mm; Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương	Cái	40	88.000
3	Vít xương cứng	Chất liệu thép không gỉ. Đường kính ren 4.5mm; đường kính mũ vít 7.9mm; mũi tô vít 3.5mm - Có 26 cỡ; chiều dài tăng 2mm từ 14mm đến 60mm; tăng 5mm từ 60mm đến 70mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương	Cái	50	88.000
4	Nẹp cổ cứng H1, H2	Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt. Hỗ trợ sơ cứu chấn thương đốt sống cổ.	Cái	5	130.000
5	Nẹp DCP bản nhỏ	Nẹp dày 2.5mm; rộng 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; Có 8 cỡ từ 4->12 lỗ; dài từ 54->150mm - Chất liệu thép không gỉ - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương	Cái	5	650.000
6	Nẹp lòng mán	Chất liệu thép không gỉ. Nẹp dày 1.5mm; rộng 10.0mm; khoảng cách lỗ 12.0mm. Có 9 cỡ từ 4-> 12 lỗ; tương ứng với chiều dài từ 54->150mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương	Cái	5	600.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
7	Nẹp nén ép bản hẹp	Chất liệu thép không gỉ. Nẹp dày 4.0mm; rộng 12.0mm; khoảng cách lỗ nẹp 16mm và 12.5mm - Có 15 cỡ từ 2 đến 16 lỗ; dài từ 39-263mm - Tương thích trợ cụ đồng bộ bắt vít - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương	Cái	10	880.000
8	Nẹp nén ép bản rộng	Chất liệu thép không gỉ. Nẹp dày 5.0mm; rộng 16.0mm; khoảng cách lỗ nẹp $\geq 16$ mm - Có 14 cỡ từ 5->18 lỗ; dài từ 87->295mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương	Cái	5	1.085.000
9	Băng bột bó 10cm x 2,7m	Kích thước 10cm x 2.7m. Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$ , gạc 100% cotton). Vỏ bằng giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột.	Cuộn	800	15.000
10	Băng bột bó 7,5cm x 2,7m	Kích thước 7.5cm x 2.7m. Làm từ bột thạch cao liền gạc (Thạch cao $\geq 97\%$ , gạc 100% cotton). Vỏ bằng giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa giúp thấm nước đều và giữ băng bột.	Cuộn	200	13.230
11	Băng cuộn 15cm x 5m	Kích thước 15cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton. Không chứa chất gây dị ứng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	1.000	4.500
12	Băng cuộn 5cm x 5m	Kích thước 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton. Không chứa chất gây dị ứng. hoặc tương đương. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	700	1.700
13	Băng dính y tế 5cm x 5m	- Băng vải lụa đan dệt taffeta, số sợi $\geq 44 \times 18 / \text{cm}^2$ . Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Kích thước: $\geq 5\text{cm} \times 5\text{m}$ . - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cuộn	1.000	33.000
14	Băng dính y tế 5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng làm bằng sợi cellulose acetate từ các nước G7. - Keo Zinc oxide và các thành phần: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP - Tiêu chuẩn CE - EU. Xuất xứ Asean. - Kích thước 5cm x 5m.	Cuộn	500	46.000
15	Băng keo chỉ thị nhiệt nổi hấp	Băng keo chỉ thị nhiệt kích thước $\geq 2,4\text{cm} \times 55\text{m}$ . Giữ nguyên màu trong vòng 6 tháng. Thành phần: giấy 75-85%, chất bám dính 10-20%, Acrylic Polymer: 2-5%, mực chỉ thị 0,5-2%. Đáp ứng tiêu chuẩn FDA, ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cuộn	30	160.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
16	Bộ rửa da dày cao su	Công dụng: hỗ trợ trong việc súc, rửa da dày. Làm từ mũ cao su tự nhiên.	Cái	50	100.000
17	Bơm cho ăn 50ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Dung tích: 50ml</li> <li>- Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn.</li> <li>- Bơm có có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc.</li> <li>- Tiệt trùng</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn: FDA/CE, ISO 13485 hoặc tương đương</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	Cái	100	5.500
18	Bơm hút thai 1 van	Bơm hút thai 1 van, sử dụng phương pháp hút chân không. Bơm có thể dùng nhiều lần.	Cái	50	440.000
19	Bơm tiêm insulin HTA sử dụng một lần 1 ml	<p>Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pittông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI.</li> <li>- Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ</li> <li>- Kim được đúc liền với vỏ xylanh, không thể tháo rời</li> <li>- Kim tiêm bao gồm các cỡ: 30Gx6mm, 31Gx6mm, 32Gx6mm</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	Cái	100	1.800
20	Bơm tiêm nhựa 10ml	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích: 10ml</li> <li>- Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 0,2</math>ml</li> <li>- Pittông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via.</li> <li>- Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1".</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	Cái	70.000	1.300

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
21	Bơm tiêm nhựa 1ml	- Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích: 1ml - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0,03\text{ml}$ - Kim 26Gx1/2" - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1.700	798
22	Bơm tiêm nhựa 20ml	- Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim các cỡ 23Gx1" - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	50.000	2.200
23	Bơm tiêm nhựa 50ml	- Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích: 50ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1.500	5.400
24	Bơm tiêm nhựa 5ml	- Sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt. Dung tích: 5ml - Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	70.000	798
25	Bông thấm nước	Bông xơ tự nhiên 100% cotton, có khả năng thấm hút, màu trắng, không lẫn tạp chất, không mùi và đã giảm thiểu tối đa xơ thừa. Đóng gói 1kg/ gói. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE hoặc tương đương	Kg	100	140.000
26	Cloramin B	Dạng bột, chứa Clo, hàm lượng 25%. Dùng để sát khuẩn bề mặt, khử khuẩn nước	Kg	1.000	125.000
27	Cốc đờm	Cốc đựng bệnh phẩm PP, có nắp đậy, có nhãn	Cái	1.000	1.260

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
28	Cốc đựng mẫu	Được sản xuất từ vật liệu polymer PS chất lượng cao, phù hợp với máy phân tích sinh hóa. Khuôn có chính xác cao làm cho các cuvette mịn, sáng và sạch Độ trong giống như thủy tinh giúp truyền ánh sáng tuyệt vời để làm thí nghiệm. Kích thước: 16*38mm và dung tích: 2,5ml	Cái	500	2.000
29	Cồn 70 độ	Thành phần: Ethanol , nước Hàm lượng Ethanol $\geq 70\%$ Hàm lượng Methanol $\leq 0.02$ Màu trong không có vẩn đục Công dụng: sát khuẩn khử trùng dụng cụ, trang thiết bị y tế, sát trùng ngoài da. Chai $\geq 500$ ml	Chai	800	23.000
30	Cồn 90 độ	Dung dịch lỏng, không màu, $\geq 90\%$ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Chai $\geq 500$ ml	Chai	700	27.000
31	Dây Garo	Chất liệu thun co giãn, không gây dị ứng, dùng để thắt mạch lấy máu.	Cái	50	2.000
32	Dây hút dịch phẫu thuật	Ống nối phẫu thuật dài $\geq 360$ cm. Dây làm từ PVC y tế không độc hại.	Cái	20	52.000
33	Dây hút nhớt	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhãn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài $\geq 55$ cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1.000	4.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
34	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện 140cm. Dây chất liệu PVC không Latex. Đường kính trong 0,9 mm. Đường kính ngoài 1,9mm. Tốc độ $\geq 0,9$ ml/phút; áp lực $\geq 2$ bar - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 hoặc tương đương.	Cái	1.500	7.500
35	Dây thở oxy người lớn	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. Dây dài $\geq 2.3$ m, lòng ống có khóa chống gập - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi - Các cỡ: người lớn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.000	6.000
36	Dây thở oxy trẻ em	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. Dây dài $\geq 2.3$ m, lòng ống có khóa chống gập - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi - Các cỡ: trẻ em - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	700	6.000
37	Dây thở oxy trẻ sơ sinh	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi. Dây dài $\geq 2.3$ m, lòng ống có khóa chống gập - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi - Các cỡ: trẻ sơ sinh - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	700	6.000
38	Dây truyền dịch kim cánh bướm	- Bộ dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 22Gx3/4". - Dây PVC nguyên sinh, chiều dài dây $\geq 1,7$ m. - Thiết kế bầu nhỏ giọt, thể tích bầu 14ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$ . - Có đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	40.000	5.600
39	Đè lưỡi gỗ sử dụng một lần	Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Độ cứng, độ nhẵn cao, an toàn trong sử dụng. Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. Đã tiệt trùng	Cái	22.000	280
40	Đồng hồ oxy	Chất liệu đồng thau, tốc độ dòng chảy từ 1~15l/phút. Bộ bao gồm đồng hồ đo oxy, cột đo lưu lượng khí ra, bình tạo ẩm, dây thở.	Cái	50	365.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
41	Điện cực tim	Hình giọt nước. Kích thước 35 mm, tổng bề mặt sản phẩm 1017 mm <sup>2</sup> , vùng chất gen 401 mm <sup>2</sup> , vùng dán 616 mm <sup>2</sup> , vùng phân tử nhậy 78,5 mm <sup>2</sup> , độ dày sản phẩm 0,8 mm. Sử dụng cho máy điện tim dùng 1 lần. Đạt tiêu chuẩn FDA; ISO hoặc tương đương.	Cái	1.000	1.360
42	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế	- Dung dịch đánh tan gỉ sắt, sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa sóng siêu âm. - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion ≤ 5%, phosphates ≥ 30% - Độ nhớt: ≤ 50 Pas. Chai ≥ 1000 ml	Chai	10	830.000
43	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, can 3,78lit, có que thử - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14563, EN 14476. - Thời gian ngâm khử khuẩn 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS hoặc tương đương	Can	10	1.100.000
44	Dung dịch rửa tay thường quy 1% chai 1 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất hoạt động bề mặt, chất dưỡng da vừa đủ 100%. Chai 1 lít - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chai	100	85.000
45	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh chai 1 lít	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 80% (v/v); Isopropyl alcohol (Isopropanol) 7.2% (v/v) và các chất phụ gia vừa đủ 100%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; ISO 9001; EN 1500 hoặc tương đương - Chai ≥ 1 lít	Chai	200	126.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
46	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme	Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ y tế hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút ít bọt, pH trung tính: 7.8-8.8, không gây ăn mòn dụng cụ. -Thành phần: protease subtilisin 0,5%, chất hoạt động bề mặt lưỡng tính an amphoteric surfactant, chất ổn định chống ăn mòn stabilizers và các thành phần khác. Chai $\geq$ 1.000ml - Đạt tiêu chuẩn EC, ISO, CFS hoặc tương đương	Chai	10	680.000
47	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn phẫu thuật	- Thành phần: Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia khác. - Chai $\geq$ 500 ml	Chai	60	98.000
48	Dung dịch sát khuẩn vết thương	Thành phần: 10% povidone -iodine. Chai $\geq$ 500ml	Chai	500	79.000
49	Gạc meche phẫu thuật 3,5cm x 75cm x 6 lớp vô trùng cản quang	Kích thước: 3,5cm x 75cm x 6 lớp, vô trùng.	Miếng	1.500	1.575
50	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	Gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ ẩm: <8%; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin. Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp vô trùng	Miếng	70.000	885
51	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng cản quang	Gạc hút 100% cotton, pH trung tính, không có tinh bột hoặc Dextrin, các chất tan trong nước: không quá 0,5%. Tốc độ hút nước không quá 10 giây. Kích thước miếng gạc: $\geq$ 30cm x 40cm x 6 lớp.	Miếng	7.000	6.500
52	Găng tay dài sản khoa	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da. Tiệt trùng, đóng gói mỗi túi/ đôi. Có cỡ 7.0-7.5. Chiều dài: 450mm, chiều rộng lòng bàn tay size 7: 89 $\pm$ 5mm, 7.5: 95 $\pm$ 5 mm; cường lực khi đứt trước lão hoá min 12.5N, sau lão hoá min 9.5N. Độ giãn đứt trước lão hoá min 700%, sau lão hoá min 550%. lượng bột max 80mg /đôi. Lượng protein max 200g/dm <sup>2</sup> .	Đôi	1.500	18.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
53	Găng tay kiểm tra các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, chiều dài min 220mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: $\geq 7,0$ N, sau già hóa: $\geq 6,0$ N. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: 650%, sau già hóa: 500%. Lượng bột : $\leq 10\text{mg}/\text{dm}^2$ . Hàm lượng Protein dưới $200 \mu\text{g}/\text{dm}^2$ .	Đôi	200.000	1.500
54	Găng tay tiết trùng các số	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Dày trung bình $0,15 \div 0,20\text{mm}$ , Chiều dài min 275mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: $83 \pm 5\text{mm}$ , Size 7: $89 \pm 5\text{mm}$ , Size 71/2: $95 \pm 5\text{mm}$ . Cường lực khi đứt trước lão hóa: min 12,5N, sau lão hóa: min 9,5N. Độ giãn đứt trước lão hóa: min 700%, sau lão hóa: min 550%. Lượng bột: max $80\text{mg}/\text{đôi}$ . Lượng protein: max $200 \mu\text{g}/\text{dm}^2$ , mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiết trùng bằng khí EO.	Đôi	12.000	4.500
55	Gel siêu âm	Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ tan trong nước và rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Water, Carbomer, Glycerin, Sodium Benzoate, ... Can $\geq 5$ lít	Can	70	130.000
56	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước: 63 mm x 30m x 16mm, dùng cho máy điện tim.	Cuộn	80	21.000
57	Giấy monitor sản khoa	Giấy monitor sản khoa, dùng cho máy in Monitor sản khoa. Kích thước: Kích thước (152mm x 90mm x 150 tờ).	Tập	60	75.000
58	Giấy siêu âm 11cm x 20m	Giấy in siêu âm đen trắng dạng cuộn, kích thước $\geq 110\text{mm} \times 20\text{m}$ , Dùng tương thích với tất cả các máy in SONY.	Cuộn	230	168.000
59	Javen 12%	Có màu hơi vàng, có mùi đặc trưng, nồng độ 10- 12%. Can $\geq 30$ lít	Lít	600	12.000
60	Kẹp rôn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500	1.320
61	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 3 lớp vô trùng. Sản phẩm chứa trong bao bì giấy tiết trùng dùng trong y tế. Nẹp mũi bằng nhựa giữ cố định khẩu trang; đóng gói 1 cái/túi;	Cái	20.000	900
62	Khí oxy trong bình	Chất lượng % O <sub>2</sub> $\geq 99,6\%$ . Đóng bình $\geq 10$ lít	Bình	300	143.400
63	Khí oxy trong bình	Chất lượng % O <sub>2</sub> $\geq 99,6\%$ . Đóng bình $\geq 40$ lít	Bình	350	320.000
64	Khoá 3 chạc không dây	Làm bằng nhựa nguyên sinh, chống đứt gãy, đầu khoá chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Dây nối chất liệu PCV.	Cái	400	6.500

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
65	Kim cánh bướm	Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương Xuất xứ: Việt Nam	Cái	8.000	1.281
66	Kim châm cứu các số	Kim châm cứu vô trùng loại dùng 1 lần. Thân kim, đốc kim làm bằng thép y tế không gỉ, dẫn điện tốt. Vi 10 cái.	Cái	27.000	450
67	Kim chọc dò gây tê tuỷ sống các cỡ	Đầu kim 3 mặt vát dài, sắc bén. Kim: Cỡ 25G, 27G. Chuôi kim trong suốt, có thiết kế lăng kính pha lê phản quang, giúp phát hiện nhanh dịch não tủy chảy ra.	Cái	1.000	28.900
68	Kim khâu phẫu thuật tròn + 3 cạnh các số	Chất liệu: Thép không gỉ. Dùng trong khâu phẫu thuật	Cái	700	1.470
69	Kim lấy thuốc các số	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE; ISO 13485 hoặc tương đương Xuất xứ: Việt Nam	Cái	60.000	430
70	Kim luân tĩnh mạch an toàn các số	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Catheter nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luân có cánh, có cửa 18G: Tốc độ chảy 96ml/phút, Tốc độ chảy 5760 ml/giờ, đường kính và độ dài catheter: 1.3mm x 45mm 20G: Tốc độ chảy 61ml/phút, Tốc độ chảy 3660 ml/giờ, đường kính và độ dài catheter: 1.1mm x 33mm 22G: Tốc độ chảy 36ml/phút, Tốc độ chảy 2160 ml/giờ, đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm Đạt tiêu chuẩn EN ISO, EC, ISO 10555-5 hoặc tương đương.	Cái	7.000	18.900

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
71	Kim lòn tĩnh mạch số 24	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau</li> <li>- Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa</li> <li>- Catheter nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon.</li> <li>- Màng kỹ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền</li> <li>- Kim lòn có cánh, không cửa</li> </ul> 24G: Tốc độ chảy 22ml/phút, Tốc độ chảy 1320 ml/giờ, đường kính và độ dài catheter: 0.7mmx 19mm Đạt tiêu chuẩn EN ISO, EC, ISO 10555 hoặc tương đương	Cái	15.000	20.000
72	Kim gây tê đám rối thần kinh 100 mm	Kim 21Gx4" ( 0,8 x100mm), cách điện, có vạch đánh dấu mỗi 1 cm trên thân kim giúp ước lượng chiều dài thân kim đang nằm trong cơ thể bệnh nhân, có đánh dấu 1 vòng tròn tại 5cm và 2 vòng tròn tại 10cm, mặt vát kim 30°. Thân kim phủ 1 lớp pha lê trong suốt giúp lướt nhẹ nhàng qua các lớp mô. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có dây nối bơm thuốc</li> <li>- Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex</li> <li>- Tiêu chuẩn châu Âu, ISO 13485:2016 hoặc tương đương</li> <li>- Điểm hiển thị trên siêu âm VS <math>\geq 7</math></li> </ul>	Cái	20	220.000
73	Kim gây tê đám rối thần kinh 50 mm	Kim G22 (0.70 x 50mm), cách điện, có vạch đánh dấu mỗi 1 cm trên thân kim giúp ước lượng chiều dài thân kim đang nằm trong cơ thể bệnh nhân, có đánh dấu 1 vòng tròn tại 5cm và 2 vòng tròn tại 10cm, mặt vát kim 30°. Thân kim phủ 1 lớp pha lê trong suốt giúp lướt nhẹ nhàng qua các lớp mô <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có dây nối bơm thuốc</li> <li>- Tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex</li> <li>- Tiêu chuẩn châu Âu, ISO 13485:2016 hoặc tương đương</li> <li>- Điểm hiển thị trên siêu âm VS <math>\geq 7</math></li> </ul>	Cái	20	195.000
74	Lam kính	Lam kính 25,4 x 76,2mm, độ dày: 1,0 – 1,2mm, Một mặt được mài mờ .	Hộp	30	22.000
75	Lưỡi dao mổ các số	Thành phần thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số.	Cái	1.600	1.575
76	Mask oxy người lớn có dây và kẹp mũi	Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ, dây chun, thanh nhôm... <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2000</math>mm. Các cỡ cho trẻ em và người lớn. Tiệt trùng</li> </ul>	Cái	500	17.500

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
77	Mũ phẫu thuật	Thành phần 100% vải không dệt PP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.200	1.050
78	Natri clorid dùng ngoài	- Chai $\geq 500$ ml. - Tác dụng: vệ sinh răng, miệng, họng, rửa mũi.	Chai	600	5.481
79	Nhiệt kế	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C	Cái	130	28.000
80	Ống chống đông EDTA 12 x 75mm	Được làm bằng nhựa y tế PP mới 100%, Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông EDTA K2 dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút.	Cái	23.000	950
81	Ống chống đông Heparin 12 x 75mm	Làm từ nhựa PP, kích thước 12x75mm. Nắp nhựa LDPE màu đen. Hóa chất trong ống là Heparine Lithium. Vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	15.000	980
82	Ống hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: 7.7/9.9/10.5 mm. Đường kính trong ống: 5/6.3/7.7 mm. Chiều dài ống 2m, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao (-75kpa) không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	20	17.850
83	Ống hút thai	Chất liệu nhựa y tế. Các cỡ 5,6,7, vô khuẩn. Sử dụng 1 lần.	Cái	250	45.000
84	Ống mở khí quản các cỡ	Ống mở khí quản có bóng vật liệu PVC, có đường cản quang rõ ràng giúp xác định vị trí chèn. Các số: 4,0mm, 4,5mm, 5.0mm, 6.0mm, 7.0mm, 8.0mm	Cái	10	85.000
85	Ống nghiệm nắp đỏ có nhãn	Ống nghiệm nhựa PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa màu đỏ.	Cái	3.000	600
86	Ống nội khí quản có cốp các số	Ống đặt nội khí quản có bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC, Bóng thể tích lớn áp lực thấp an toàn khi lưu lâu. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống. Các số. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	250	15.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
87	Ống nội khí quản có không có các số	Ống đặt nội khí quản không bóng, làm bằng chất liệu nhựa PVC. Độ cong tương thích sinh học, có đường cản quang đậm dọc ống. Các số. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	50	15.000
88	Phim XQ 20 x 25cm	Phim khô Laser cỡ 20x25 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Tờ	35.000	17.000
89	Sonde dạ dày các số	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc	Cái	200	4.000
90	Sonde dẫn lưu ổ bụng	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm hoặc 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm hoặc 10mm chiều dài 396mm . Được tiệt trùng bằng EO.	Cái	100	11.500
91	Sonde Foley 2 nhánh số các số	Các số, ống thông Foley được làm từ chất liệu cao su y su tự nhiên, không gây dị ứng. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái	800	15.000
92	Sonde Nelaton các số	Chiều dài của ống: 40cm. Được sản xuất từ cao su tự nhiên. Được tiệt trùng bằng khí EO. Các số.	Cái	1.150	6.500
93	Tay dao điện	Đầu 3 giác nối với dây dài 3m. Tay dao cấu tạo như cây viết với một đầu để lắp đầu dao mổ, trên thân tay dao có hai nút bấm tương ứng với hai chế độ cắt (CUT) và cầm máu đơn cực (COAG)	Cái	50	45.000
94	Than hoạt	Bột than hoạt tính. Bột mịn, màu đen, không mùi, không vị, có nhiều lỗ rỗng siêu nhỏ. Túi ≥ 1kg	Kg	15	210.000

Stt	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch
95	Túi nước tiểu	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại.</li> <li>- Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiếu niệu.</li> <li>- Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC.</li> <li>- Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng</li> <li>- Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn :FDA/CE, ISO 13485 hoặc tương đương.</li> <li>- Xuất xứ: Việt Nam</li> </ul>	Bộ	1.200	7.000
96	Viên khử khuẩn	<ul style="list-style-type: none"> <li>Viên sủi khử khuẩn, thành phần 2,5g Troclosense Sodium</li> <li>- Dạng viên sủi tan nhanh trong nước, dùng khử khuẩn bề mặt, đồ vải, diệt vi khuẩn gram âm &amp; gram dương Hoạt động hiệu quả kể cả khi có sự hiện diện chất hữu cơ, PH: 5.0 - 6.5</li> <li>- 1 viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24%. trọng lượng 1 viên</li> <li>- Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485, CFS hoặc tương đương</li> </ul>	Viên	6.000	6.100